

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN CHÂU
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2017/HSST

Ngày: 19-7-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lương Thị Hương;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Hồng Nhung;

Ông Hà Ngọc Phương;

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Lê Văn Tiến Dũng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên toà: Ông Lò Văn Thức - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2017, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 131/2017/HSST ngày 27 tháng 6 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2017/HSST - QĐ, ngày 05 tháng 7 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Quàng Văn K; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1991; tại: huyện TC, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: bản T, xã TM, huyện TC, tỉnh Sơn La; dân tộc: Thái; trình độ văn hóa: 11/12; nghề nghiệp: Trồng trọt; con ông: Quàng Văn P; sinh năm: 1967; Con bà: Quàng Thị Q; sinh năm: 1970; bị cáo có vợ: Quàng Thị D; Sinh năm: 1996 và 01 con 3 tuổi; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 22-02-2017 đến ngày 3-3-2017 được tại ngoại, cho đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lò Văn Th; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1994; tại: huyện TC, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: bản L, xã TM, huyện TC, tỉnh Sơn La; dân tộc: Thái; trình độ văn hóa: 3/12; nghề nghiệp: Trồng trọt; con ông: Lò Văn D; sinh năm: 1964; Con bà: Lò Thị H; sinh năm: 1962; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 22-02-2017 đến ngày 3-3-2017 được tại ngoại, cho đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Lò Văn S; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1992; tại: huyện TC, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: bản T, xã TM, huyện TC, tỉnh Sơn La; dân tộc: Thái; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Trồng trọt; con ông: Lò Văn H; sinh năm: 1963; Con bà: Lò Thị D; sinh năm: 1966; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Không;

bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 22-02-2017 đến ngày 3-3-2017 được tại ngoại, cho đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Lò Văn Ng; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1989; tại: huyện TC, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: bản N, xã PT, huyện TC, tỉnh Sơn La; dân tộc: Thái; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Trồng trọt; Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng); con ông: Lò Văn Q; sinh năm: 1960; Con bà: Lò Thị B; sinh năm: 1965; bị cáo có vợ: Quàng Thị M; sinh năm: 1990 và 2 con, lớn 6 tuổi, nhỏ 3 tuổi; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 22-02-2017 đến ngày 3-3-2017 được tại ngoại, cho đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Lò Thị S; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1977; tại: huyện TC, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: bản L, xã TM, huyện TC, tỉnh Sơn La; dân tộc: Thái; trình độ văn hóa: Không; nghề nghiệp: Trồng trọt; con ông: Lò Văn K (đã chết); Con bà: Lò Thị B; sinh năm: 1943; bị cáo có chồng: Lò Văn X (đã chết) và 2 con, lớn 19 tuổi, nhỏ 16 tuổi; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 22-02-2017 đến ngày 3-3-2017 được tại ngoại, cho đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Quàng Thị Y; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1981; tại: huyện TC, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: bản T, xã TM, huyện TC, tỉnh Sơn La; dân tộc: Thái; trình độ văn hóa: 1/12; nghề nghiệp: Trồng trọt; con ông: Quàng Văn M (đã chết); Con bà: Quàng Thị L; sinh năm: 1958; bị cáo có chồng: Quàng Văn Qt; sinh năm: 1979 và 2 con, lớn 17 tuổi, nhỏ 15 tuổi; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 22-02-2017 đến 3-3-2017 được tại ngoại cho đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. Quàng Văn P; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1967; tại: huyện TC, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: bản T, xã TM, huyện TC, tỉnh Sơn La; dân tộc: Thái; trình độ văn hóa: 5/10; nghề nghiệp: Trồng trọt; con ông: Quàng Văn S (đã chết); Con bà: Quàng Thị X; sinh năm: 1930; bị cáo có vợ: Quàng Thị Q; sinh năm: 1970 và 3 con, lớn nhất 26 tuổi, nhỏ nhất 20 tuổi; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt giam giữ từ ngày 15-3-2017 đến ngày 7-4-2017 được tại ngoại, cho đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. Quàng Văn N; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1987; tại: huyện TC, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: bản T, xã TM, huyện TC, tỉnh Sơn La; dân tộc: Thái; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Trồng trọt; con ông: Quàng Văn Ch; sinh năm: 1963; con bà: Quàng Thị L; sinh năm: 1965; bị cáo có vợ: Lò Thị Th; sinh năm: 1995 và 1 con 11 tháng tuổi (sinh ngày 27/8/2016); tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt giam giữ từ ngày 15-3-2017 đến ngày 7-4-2017 được tại ngoại cho đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

9. Lò Thị X; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1981; tại: huyện TC, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: bản L, xã TM, huyện TC, tỉnh Sơn La; dân tộc: Thái; trình độ văn hóa: 3/12; nghề nghiệp: Trồng trọt; dân tộc: Thái; con ông: Lò Văn Q (đã chết); Con bà: Lò Thị B; sinh năm: 1945; bị cáo có chồng: Lò Văn H (đã chết) và 3 con,

lớn nhất 18 tuổi, nhỏ nhất 4 tuổi; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt giam giữ từ ngày 15-3-2017 đến ngày 7-4-2017 được tại ngoại, cho đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 18 giờ 45 phút, ngày 21-02-2017 tổ công tác Công an huyện TC làm nhiệm vụ tại khu vực bản T, xã TM, huyện TC, tỉnh Sơn La phát hiện, bắt quả tang tại nhà Quàng Thị Y; trú tại: bản T, xã TM, huyện TC có 10 đối tượng đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền với hình thức xóc đĩa. Tổ công tác bắt giữ được 07 đối tượng gồm: Quàng Văn K, Lò Văn Sơn, Quàng Thị Y, cùng trú tại: Bản T, xã TM, huyện TC, tỉnh Sơn La; Lò Văn Th, Lò Văn D; Lò Thị S cùng trú tại: Bản L, xã TM, huyện TC, tỉnh Sơn La và Lò Văn Ng, trú tại: bản N, xã PT, huyện TC, tỉnh Sơn La, còn 03 (Ba) đối tượng lợi dụng sơ hở của tổ công tác đã bỏ chạy. Tang vật thu giữ gồm:

- Tiền NHNN Việt Nam: 6.765.000^d (sáu triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) thu giữ trên chiếu bạc.

- Tiền NHNN Việt Nam: 500.000^d (Năm trăm nghìn đồng) thu giữ trên sàn nhà Quàng Thị Yêu

- Tiền NHNN Việt Nam: 2.050.000^d (Hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) thu giữ trên người Quàng Thị Yêu.

- 01 (Một) bộ bát sứ màu trắng có hình hoa văn nhiều màu sắc.

- 04 (Bốn) quân vị hình chữ nhật được làm bằng tre, mỗi quân có hai mặt màu đen trắng thu giữ trên chiếu bạc.

- 01 (Một) chiếc chiếu nhựa màu đỏ, trắng, vàng, kích thước 1,6 x 02m đã qua sử dụng.

Tại Bản kết luận số: 211/KLGĐ, ngày 07-3-2017 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: “01 (Một) tờ tiền VNĐ mệnh giá 500.000 đồng, 17 (mười bảy) tờ tiền VNĐ mệnh giá 200.000 đồng, 39 (ba mươi chín) tờ tiền VNĐ mệnh giá 100.000 đồng, 17 (mười bảy) tờ tiền VNĐ mệnh giá 50.000 đồng, 28 (hai tám) tờ tiền VNĐ mệnh giá 20.000 đồng, 10 (mười) tờ tiền VNĐ mệnh giá 10.000 đồng, 01 (một) tờ tiền VNĐ mệnh giá 5.000 đồng, có số mã hiệu ghi trong: Biên bản mở niêm phong và giao nhận đối tượng giám định lập ngày 6-3-2017 là tiền thật”.

Tại cơ quan điều tra các bị cáo Quàng Văn K, Lò Văn Th, Lò Văn S, Lò Văn Ng, Lò Thị S, Quàng Thị Y, Quàng Văn P, Quàng Văn N, Lò Thị X đã khai nhận hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 21-02-2017, Quảng Văn P từ nhà đi lên nhà Quảng Thị Y chơi (đi chúc tết). Đến nơi không thấy Y ở nhà, nên P gọi điện thoại rủ Lò Thị S, Lò Thị X và Quảng Văn N lên nhà Y để đánh bạc. Một lúc sau có Lò Thị S, Lò Thị X và Quảng Văn N đến nhà Y, P vào bếp của nhà Y lấy ra 01 bộ đĩa sứ, bốn quân vị hình chữ nhật làm bằng tre, mỗi quân vị có 01 mặt màu đen, một mặt màu vàng nâu rồi cùng nhau ngồi xuống chiếc (*chiếu đã dãi sẵn*) để đánh bạc với hình thức đánh bạc như sau: Người cầm cái sẽ là người xóc đĩa cho những người chơi còn lại đặt cược theo hai cửa chắn, lẻ với số tiền đặt cược thấp nhất là 10.000 đồng, còn cao nhất không quy định mà phụ thuộc vào người chơi và người cầm cái thỏa thuận với nhau. Cửa chắn được quy định là bên tay phải của người cầm cái, cửa lẻ là bên tay trái của người cầm cái, sau khi người cầm cái xóc đĩa và đặt xuống chiếu bạc, nếu mở bát ra thấy hai quân vị màu đen, hai quân vị màu vàng nâu hoặc bốn quân vị màu đen hoặc bốn quân vị màu vàng nâu thì đó là chắn và những người đặt cược cửa chắn thắng, người đặt cửa lẻ thua, người cầm cái sẽ thu tiền bên cửa lẻ để trả cho người đặt cược bên cửa chắn tương ứng với số tiền họ đã đặt cược, tương tự nếu mở bát ra là ba quân vị màu đen, một quân vị màu vàng nâu hoặc ba quân vị màu vàng nâu, một quân vị màu đen là người đặt cửa lẻ thắng và người cầm cái thu tiền bên cửa chắn và trả tiền cho người đặt cửa lẻ tương ứng với số tiền đã đặt cược. Cả bốn đồng ý và bắt đầu đánh bạc, P là người cầm cái cùng S, X và N đánh. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày có Quảng Văn K, Lò Văn Th và Lò Văn D đến đánh bạc cùng, cả bảy người tiếp tục đánh bạc với hình thức, mức cược như trên và lúc này P vẫn là người cầm cái. Khoảng 18 giờ cùng ngày K về nhà có việc, P không cầm cái và đưa cho N cầm cái. Đánh được 10 phút K quay lại đánh bạc tiếp. Lúc này N chuyển cho K cầm cái. Khi đang đánh có Lò Văn Ng, rồi Lò Văn S cũng đến tham gia đánh bạc. Khoảng gần 19 giờ cùng ngày Quảng Thị Y (chủ nhà) đi chợ về thấy mọi người đang đánh bạc tại nhà mình nên Y cũng tham gia đánh bạc. Cả 10 người đánh bạc đến khoảng 19 giờ cùng ngày thì bị tổ Công tác Công an huyện TC, tỉnh Sơn La phát hiện, bắt quả tang và thu giữ cùng tang vật nêu trên. Lợi dụng sơ hở của tổ công tác Quảng Văn P, Quảng Văn N và Lò Thị X đã chạy thoát. Quá trình bỏ chạy Quảng Văn N đã cầm 300.000^d trên chiếu bạc bỏ trốn và đã tiêu sài hết. Ngày 15-3-2017 Cơ quan CSĐT Công an huyện TC đã thi hành lệnh bắt đối với Quảng Văn P, Quảng Văn N và Lò Thị X về hành vi đánh bạc.

Quá trình điều làm rõ được số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 8.345.000^d, trong đó: Quảng Văn K có 1.400.000^d, Lò Văn Th có 470.000^d, Lò Văn D có 500.00^d, Lò Thị S có 1.500.000^d, Lò Văn Ng có 1.065.000^d, Lò Văn S có 300.000^d, Quảng Thị Y có 2.350.000^d, Quảng Văn P có 500.000^d, Lò Thị X có 140.000^d và Quảng Văn N có 120.000^d. Còn lại 970.000^d không có bị cáo nào nhận. Tuy nhiên quá điều tra xác định được số tiền trên là tiền vi phạm thu trên chiếu bạc do đó các bị cáo cùng phải chịu trách nhiệm về số tiền trên.

Bản cáo trạng số: 91/KSĐT, ngày 26-6-2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La đã truy tố các bị cáo: Quảng Văn K, Lò Văn Th, Lò Văn S,

Lò Văn Ng, Lò Thị S, Quàng Thị Y, Quàng Văn P, Quàng Văn N, Lò Thị X phạm tội: Đánh bạc, theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu tỉnh Sơn La giữ quyền công tố trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Quàng Văn K, Lò Văn Th, Lò Văn S, Lò Văn Ng, Lò Thị S, Quàng Thị Y, Quàng Văn P, Quàng Văn N, Lò Thị X điều khoản và tội danh trên.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Quàng Văn K, Lò Văn Th, Lò Văn S, Lò Văn Ng, Lò Thị S, Quàng Thị Y, Quàng Văn P, Quàng Văn N, Lò Thị X phạm tội: Đánh bạc.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p, q khoản 1 Điều 46; Điều 53; Điều 30 BLHS: Xử phạt tiền là hình phạt chính với bị cáo Quàng Văn K từ 6.000.000^d đến 8.000.000^d.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53; Điều 30 BLHS: Xử phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo Quàng Văn N số tiền từ 6.000.000^d đến 8.000.000^d.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p, q khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53; Điều 30 BLHS:

Xử phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo Quàng Văn P số tiền từ 7.000.000^d đến 10.000.000^d.

Xử phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo Lò Thị S số tiền từ 6.000.000^d đến 8.000.000^d.

Thời hạn chấp hành hình phạt là 1 lần, kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p, q khoản 1 Điều 46; Điều 53; khoản 1, khoản 2 Điều 60 BLHS. Xử phạt các bị cáo Lò Văn Son, Lò Văn Th, Lò Văn Ng mỗi bị cáo từ 9 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo . Thời gian thử thách 18 đến 24 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Là ngày 19-7-2017).

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p, q khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53; khoản 1, khoản 2 Điều 60 BLHS. Xử phạt bị cáo Quàng Thị Y từ 9 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo . Thời gian thử thách 18 đến 24 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Là ngày 19-7-2017)

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53; khoản 1, khoản 2 Điều 60 BLHS. Xử phạt bị cáo Lò Thị X từ 9 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 đến 24 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Là ngày 19-7-2017).

Giao các bị cáo Lò Văn Th, Lò Văn Son, Lò Văn Ng, Quàng Thị Y, Lò Thị X cho UBND nơi cư trú của các bị cáo giám sát giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 248, khoản 2 Điều 30, khoản 3 Điều 60 BLHS: phạt tiền các bị cáo Lò Văn Th, Lò Văn S, Lò Văn Ng, Quàng Thị Y, Lò Thị X mỗi bị cáo là: 3.000.000^d.

Áp dụng Điều 41 BLHS và Điều 76 BLTTHS: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng như sau :

- Tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền : 9.315.000^d thu tại chiếc bạc là tiền dùng vào việc đánh bạc.

- Tuyên truy thu tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 300.000^d của bị cáo Quàng Văn N là tiền do phạm tội mà có bị cáo đã tiêu sài hết.

- Tuyên tiêu hủy: Một bộ bát đĩa sứ màu trắng đục có in hoa văn, chiếc bát có kích thước đường kính miềng bát là 10cm, chiếc đĩa có đường kính 15cm, đã qua sử dụng; Bốn quân vị hình chữ nhật bằng tre đã qua sử dụng; Một chiếc chiếu nhựa màu đỏ - trắng - vàng, rộng 1,6m x 2m, đã qua sử dụng là phương tiện công cụ dùng vào việc phạm tội.

Ý kiến của các bị cáo nhất trí như quyết định truy tố và quan điểm luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La: Tại phiên tòa và trong lời nói sau cùng các bị cáo Quàng Văn K, Quàng Văn P, Quàng Văn N, Lò Thị S đều có ý kiến xin được hưởng mức án phạt tiền là hình phạt chính. Các bị cáo Lò Văn Th, Lò Văn S, Lò Văn Ng, Quàng Thị Y, Lò Thị X đều đề nghị được hưởng mức án phạt tù nhưng cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện TC, tỉnh Sơn La, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều là hợp pháp.

Về nội dung vụ án: Ngày 21-02-2017, Quàng Văn K, Lò Văn S, Quàng Thị Y, Quàng Văn P, Quàng Văn Nt, cùng trú tại: Bản T, xã TM, huyện TC, tỉnh Sơn La. Lò Văn Th, Lò Thị S, Lò Thị X, cùng trú tại: Bản L, xã TM, huyện TC, tỉnh Sơn La và Lò Văn Ng, trú tại: bản N, xã PT, huyện TC, tỉnh Sơn La. Đang đánh

bài ăn tiền bằng hình thức sóc đĩa với hình thức chơi người đặt cửa thấp nhất là người 10.000^d, người đặt cửa cao tùy theo thỏa thuận giữa người cầm cái và người đặt cược tại nhà của Quàng Thị Yêu ở bản T, xã TM, huyện TC, tỉnh Sơn La với số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 9.315.000^d. (Bút lục số: 256 đến 261 HS).

Căn cứ vào lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với nội dung cáo trạng, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Thấy đã có đủ căn cứ kết luận hành vi trên của các bị cáo Quàng Văn K, Lò Văn Th, Lò Văn S, Lò Văn Ng, Lò Thị S, Quàng Thị Y, Quàng Văn P, Quàng Văn N, Lò Thị X đã phạm tội: Đánh bạc. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự. Việc đưa các bị cáo ra truy tố và xét xử về tội danh trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Khoản 1, khoản 3 Điều 248 BLHS quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ hai triệu đến dưới năm mươi triệu hoặc dưới hai triệu đồng nhưng đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 249 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ ba tháng đến ba năm”.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ ba triệu đồng đến ba mươi triệu đồng ”.

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thể hiện ở hành vi chơi được thua bằng tiền, mục đích nhằm tước đoạt tiền của nhau với hình thức xóc đĩa, sát phạt nhau bằng tiền mặt, đánh bạc trên 5.000.000^d, với số lượng không lớn, đã trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng gây ảnh hưởng xấu đến an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Là hành vi nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Cần vận dụng khoản 1 điều 248 BLHS đối với các bị cáo Quàng Văn K, Lò Văn Th, Lò Văn S, Lò Văn Ng, Lò Thị S, Quàng Thị Y, Quàng Văn P, Quàng Văn N, Lò Thị X.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét nhân thân các bị cáo Quàng Văn K, Quàng Văn P, Lò Thị S đã có tiền án đã được đương nhiên xóa án tích là nhân thân xấu. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS; Các bị cáo Quàng Văn K, Lò Thị S đã khai ra hành vi phạm tội của các bị cáo Quàng Văn P, Quàng Văn N, Lò Thị X. Bị cáo Quàng Văn

P khai ra hành vi phạm tội của các bị cáo Quàng Văn N, Lò Thị X, tích cực giúp đỡ Cơ quan điều tra phát hiện tội phạm. Là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo được quy định tại điểm q khoản 1 Điều 46 BLHS.

Xét nhân thân các bị cáo Lò Văn Th, Lò Văn S, Lò Văn Ng, Quàng Thị Y, Quàng Văn N, Lò Thị X phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 BLHS. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS. Các bị cáo Lò Văn Th, Lò Văn S, Lò Văn Ng, Quàng Thị Y đã khai ra hành vi phạm tội của các bị cáo Quàng Văn P, Quàng Văn N, Lò Thị X, tích cực giúp đỡ Cơ quan điều tra phát hiện tội phạm, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo được quy định tại điểm q khoản 1 Điều 46 BLHS. Các bị cáo Lò Thị S, Quàng Thị Y, Lò Thị X bản thân là phụ nữ, trình độ hiểu biết pháp luật còn hạn chế là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo được quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS.

Xét vai trò của các bị cáo: Bị cáo Quàng Văn K là người khởi xướng rủ rê bị cáo Lò Văn Th; bị cáo Quàng Văn P là người khởi xướng rủ rê các bị cáo Lò Thị S, Lò Thị X, Quàng Văn N đến nhà bị cáo Quàng Thị Y để đánh bạc. Bị cáo Quàng Văn P còn là người chuẩn bị công cụ phương tiện để đánh bạc. Các bị cáo khác thực hiện hành vi đánh bạc một cách tích cực. Vận dụng Điều 53 BLHS để cá thể hòa hình phạt đối với các bị cáo.

Xét đơn xin hưởng án treo có xác nhận của chính quyền địa phương của các bị cáo Lò Văn Th, Lò Văn S, Lò Văn Ng, Quàng Thị Y, Lò Thị X. Và lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, của các bị cáo tại phiên tòa đề nghị xin được hưởng mức án phạt tù nhưng cho hưởng án treo. Nay Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo Lò Văn Th, Lò Văn S, Lò Văn Ng, Quàng Thị Y, Lò Thị X có nơi cư trú rõ ràng, được chính quyền địa phương xác nhận là có nhân thân tốt. Do vậy có đủ điều kiện để được hưởng án treo nên cần được chấp nhận. Không cần cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội. Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi cư trú của bị cáo phối hợp với gia đình có trách nhiệm giám sát giáo dục các bị cáo, vận dụng khoản 1, khoản 2 điều 60 BLHS.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân đề nghị lên mức án phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo Quàng Văn K, Quàng Văn P, Quàng Văn N, Lò Thị S, các bị cáo đều nhất trí. Nay Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo Quàng Văn K, Quàng Văn P, Lò Thị S có nhiều tình tiết giảm nhẹ, luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân, có đủ điều kiện kinh tế để áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên cần được chấp nhận. Không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội. Nay áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối

với các bị cáo, cần tước bỏ của các bị cáo một khoản tiền nhất định để sung công quỹ nhà nước. Vận dụng khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 30 BLHS.

Cần lên một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo mới đảm bảo tính chất nghiêm minh của pháp luật giáo dục và phòng ngừa chung. Đồng thời cũng thể hiện chính sách pháp luật nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước ta, giúp cho các bị cáo được trở lại cộng đồng thể hiện đường lối xét xử nghiêm trị, kết hợp giáo dục cải tạo.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 248 Bộ luật Hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ ba triệu đồng đến ba mươi triệu đồng”, do đó HĐXX xét thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo Lò Văn Th, Lò Văn S, Lò Văn Ng, Quàng Thị Y, Lò Thị X. Vận dụng khoản 2 Điều 30, khoản 3 Điều 60, khoản 3 Điều 248 BLHS. Đối với các bị cáo Quàng Văn K, Quàng Văn P, Lò Thị S, Quàng Văn N, Hội đồng xét xử đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền, do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Đối với Lò Văn D, sinh ngày 10-10-2001, trú tại: Bản T, xã TM, huyện TC, tỉnh Sơn La có hành vi đánh bạc trái phép vào ngày 22-02-2017, tuy nhiên thời điểm bị bắt Dững mới được 15 tuổi 4 tháng 11 ngày chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 248 BLHS. Do đó Cơ quan CSĐT Công an huyện TC đã ra thông báo vi phạm hành chính đến chính quyền và gia đình biết để quản lý giáo dục là thỏa đáng và đúng quy định.

Đối với Quàng Thị Q, trú tại: bản T, xã TM, huyện TC, tỉnh Sơn La có mặt tại thời điểm tổ công tác bắt quả tang, nhưng quá trình điều tra xác định Q không tham gia đánh bạc nên không đề cập vấn đề xử lý.

Về vật chứng vụ án: Đối với 01 bộ bát sứ màu trắng có hình hoa văn nhiều màu sắc; 04 quân vị hình chữ nhật được làm bằng tre, mỗi quân có hai mặt màu đen trắng thu giữ trên chiếu bạc; 01 chiếc chiếu nhựa màu đỏ, trắng, vàng, kích thước 1,6 x 02m đã qua sử dụng là công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội cần tuyên tiêu hủy. Đối với số tiền 9.315.000^d cơ quan điều tra thu tại chiếc bạc là tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Đối với số tiền 300.000^d bị cáo Quàng Văn N cầm theo khi bỏ trốn, đã tiêu sái cá nhân hết là tiền do phạm tội mà có cần tuyên truy thu tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Vận dụng Điều 41, Điều 42 BLHS và Điều 76 BLTTHS.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Vận dụng Điều 99 BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14; Ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Quàng Văn K, Lò Văn Th, Lò Văn S, Lò Văn Ng, Lò Thị S, Quàng Thị Y, Quàng Văn P, Quàng Văn N, Lò Thị X phạm tội: Đánh bạc.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p, điểm q khoản 1 Điều 46; Điều 53; Điều 30 BLHS:

Xử phạt tiền bị cáo Quàng Văn K 6.000.000^d (sáu triệu đồng).

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p, điểm q khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53; Điều 30 BLHS:

Xử phạt tiền bị cáo Quàng Văn P 7.000.000^d (bảy triệu đồng).

Xử phạt tiền bị cáo Lò Thị S 6.000.000^d (sáu triệu đồng).

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53; Điều 30 BLHS:

Xử phạt tiền bị cáo Quàng Văn N 6.000.000^d (sáu triệu đồng).

Thời hạn chấp hành là 1 lần, kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, điểm p, điểm q khoản 1 Điều 46; Điều 53; khoản 1, khoản 2 Điều 60 BLHS.

Xử phạt bị cáo Lò Văn S 9 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo . Thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Là ngày 19-7-2017).

Xử phạt bị cáo Lò Văn Th 9 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo . Thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Là ngày 19-7-2017).

Xử phạt bị cáo Lò Văn Ng 9 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo . Thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Là ngày 19-7-2017).

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, điểm p, điểm q khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53; khoản 1, khoản 2 Điều 60 BLHS.

Xử phạt bị cáo Quàng Thị Y 9 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo . Thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Là ngày 19-7-2017).

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53; khoản 1, khoản 2 Điều 60 BLHS.

Xử phạt bị cáo Lò Thị X 9 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo . Thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (Là ngày 19-7-2017).

Giao các bị cáo Lò Văn Th, Lò Văn S, Quàng Thị Y, Lò Thị X cho UBND xã TM, huyện TC, tỉnh Sơn La giám sát và giáo dục. Gia đình các bị cáo Lò Văn Th, Lò Văn S, Quàng Thị Y, Lò Thị X có trách nhiệm phối hợp với UBND xã TM, huyện TC, tỉnh Sơn La giám sát và giáo dục các bị cáo.

Giao bị cáo Lò Văn Ng cho UBND xã PT, huyện TC, tỉnh Sơn La giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo Lò Văn Ngoan có trách nhiệm phối hợp với UBND xã PT, huyện TC, tỉnh Sơn La giám sát và giáo dục bị cáo.

Trường hợp các bị cáo Lò Văn Th, Lò Văn S, Quàng Thị Y, Lò Thị X, Lò Văn Ng thay đổi nơi cư trú trong phạm vi huyện TC thì Ủy ban nhân dân xã TC, xã PT, huyện TC, tỉnh Sơn La có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện TC để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục.

Trường hợp các bị cáo Lò Văn Th, Lò Văn S, Quàng Thị Y, Lò Thị X, Lò Văn Ng thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi huyện TC thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án treo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hưởng án treo đến cư trú để tổ chức việc thi hành án theo quy định tại Điều 62 của Luật Thi hành án hình sự và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

Áp dụng khoản 3 Điều 248, khoản 2 Điều 30, khoản 3 Điều 60 BLHS: Các bị cáo Lò Văn Th, Lò Văn S, Lò Văn Ng, Quàng Thị Y, Lò Thị X phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền mỗi bị cáo là 3.000.000^d (ba triệu đồng).

Áp dụng Điều 41, Điều 42 BLHS và Điều 76 BLTTHS.

- Tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước: Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 9.315.000^d (Chín triệu ba trăm mười năm nghìn đồng).

- Truy thu tịch sung công quỹ nhà nước số tiền 300.000^d(Ba trăm nghìn đồng) của bị cáo Quàng Văn N.

- Tuyên tiêu hủy :

+ Một bộ bát đĩa sứ màu trắng đục có in hoa văn, chiếc bát có kích thước đường kính miệng bát là 10cm, chiếc đĩa có đường kính 15cm, đã qua sử dụng.

+ Bốn quân vị hình chữ nhật bằng tre đã qua sử dụng.

+ Một chiếc chiếu nhựa màu đỏ - trắng - vàng, rộng 1,6m x 2m, đã qua sử dụng.

Áp dụng Điều 99 BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14; Ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Quàng Văn K, Lò Văn Th, Lò Văn S, Lò Văn Ng, Lò Thị S, Quàng Thị Y, Quàng Văn P, Quàng Văn N, Lò Thị X phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo là 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng).

Áp dụng Điều 231, Điều 234 BLTTHS: Các bị cáo Quàng Văn K, Lò Văn Th, Lò Văn S, Lò Văn Ng, Lò Thị S, Quàng Thị Y, Quàng Văn P, Quàng Văn N, Lò Thị X có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND (02);
- Sở Tư pháp
- CA huyện;
- Chi cục THADS;
- Trại giam;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lường Thị Hương